

HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 12 (2020 - 2025)

T	T	Học kỳ	Mã HP	KHỐI KIẾN THỨC - HỌC PHẦN	Tổng số TC	Học kỳ I				Học kỳ II				Học kỳ III				Học kỳ IV				Học kỳ V				Học kỳ VI				Học kỳ VII				Học kỳ VIII				Học kỳ IX				Học kỳ X				Ghi chú
						Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Tự học					
				KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	24																																									
				Các học phần bắt buộc	24																																									
1	1		POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	3	32	8	5																																					
2	2		POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2					2	20	8	2																																	
3	3		POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									2	20	8	2																													
4	4		POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									2	20	8	2																													
5	5		POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2													2	20	8	2																									
6	6		INF2001	Tin học cơ bản	2																	2	5	15	10														2 s 6							
7	1		CFL2001	Tiếng Anh 1	4	4	16	40	4																																					
8	2		CFL2002	Tiếng Anh 2	3					3	22	20	3																																	
9	7		CFL2004	Tiếng Anh chuyên ngành	2																				2	10	18	2																		
10	1		PPE2010	Giáo dục thể chất 1			3	25	2																																					
11	2		PPE2011	Giáo dục thể chất 2							5	37	3																																	
11			GDQP	Giáo dục quốc phòng																																										
12	6		POL2007	Pháp luật đại cương	2																		2	20	8	2													3 s 6							
12			M2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN CHUNG CỦA NHÓM NGÀNH	14																																									
12				Các học phần bắt buộc	9																																									
13	3		PPE2008	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2						2	20	8	2																																
14	3		FAE2072	Mỹ học	2						2	20	8	2																																
15	5		CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													3	30	12	3																									
16	1		FAE2070	Nghệ thuật học đại cương	2	2	20	8	2																																					
16				Các học phần tự chọn	5 /13																																									
16			CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2																																									
16			POL2005	Lịch sử triết học 1	2																																									
16			POL2006	Lịch sử triết học 2	2																																									
16			PPE2007	Tâm lý học đại cương	2																																									
17	2		PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3					3																																				
18	7		PPE2005	Tâm lý học tiêu dùng	2																		2	20	8	2													3 s 7							
18			M3	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	39																																									
18				Các học phần bắt buộc	31																																									
19	1		FAE2077	Giải phẫu tạo hình	2	2	8	20	2																																					
20	2		FAE2078	Luật xa gần	2					2	8	20	2																										1 s 2							
21	1		GRD2048	Hình họa 1	2	2	2	26	2																																					
22	2		GRD2049	Hình họa 2	2					2	2	26	2																																	
23	3		GRD2047	Hình họa 3	2						2	2	26	2																																
24	4		GRD2001	Hình họa màu nước	2									2	2	26	2																													
25	4		GRD2002**	Vẽ kỹ thuật - đặc biểu kiến trúc	2									2	5	20	2																													
26	2		GRD2004	Cơ sở tạo hình mặt phẳng	2					2	8	20	2																																	
27	3		GRD2005	Cơ sở tạo khối không gian	2						2	8	20	2																																
28	5		GRD2054	Nguyên lý thị giác	3													3	12	30	3																									
29	6		GRD2007	Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng	2																	2	20	8	2																					
30	5		GRD2008	Hình họa chuyên ngành 1	4										4	6	50	4																												
31	6		GRD2009	Hình họa chuyên ngành 2	4																4	6	50	4																						
31				Các học phần tự chọn	8 /21																																									
31			FAE2079	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2																																									
31			FAE2080	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2																																									
31			FAE2081	Mỹ thuật học	3																																									
32	7		GRD2010	Thẩm mỹ công nghiệp	2																	2	15	13	2																					
32			GRD2011	Maketing Design	2																																									
33	8		GRD2012	Vật liệu và công nghệ in	2																																									
33			GRD2013	Cơ sở tạo hình nâng cao	2																																									
34	7		GRD2055	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	2																	2																								
34			GRD2056	Hình họa nghiên cứu hình thể động	2																																									
35	2		GRD2016	Kỹ họa	2					2																																				
35			M4	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	43																																									
35				Các học phần bắt buộc	33																																									
36	4		GRD2058	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3									3																																
37	4		GRD2057	Nghệ thuật chữ	3									3																																
38	4		GRD2050	Tin học chuyên ngành 1	3									3	12	30	3																													
39	5		GRD2021	Tin học chuyên ngành 2	3													3	12	30	3																									
40	6		GRD2022	Tin học chuyên ngành 3	3																3	12	30	3																						
41	1		GRD2023	Sáng tác thiết kế 1	3	3	5	35	5																																					
42	2		GRD2024	Sáng tác thiết kế 2	3					3	5	35	5																																	
43	3		GRD2025	Sáng tác thiết kế 3	3																																									

HIỆU TRƯỞNG

Phòng Đào tạo

PGS.TS. Đào Đăng Phụng